

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20-9-2021

V/v tranh chấp xác định con cho cha

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp xác định con cho cha theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Bãi Ngoài, xã Hoa Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông M, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn An Thạch, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh C trình bày:

Năm 2017 anh C có quan hệ tình cảm với chị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng và chị H đã có thai. Ngày 24 tháng 5 năm 2018 chị H sinh được 01 con gái tại Bệnh viện Đa khoa huyện A,

thành phố Hải Phòng theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 09 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018. Khi chị H sinh con thì chị H đã sống ly thân với chồng là anh L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn An Thạch, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng nhưng chưa ly hôn. Ngày 05 tháng 7 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị H và anh L được ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 129/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018. Ngày 01 tháng 4 năm 2020 chị H chết do bị tai nạn giao thông. Mẹ đẻ chị H là bà Hoàng Thị Thường đã chết năm 2012, còn bố đẻ chị H là ông M, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Ngày 20 tháng 6 năm 2020 anh C đã yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật GenPro xét nghiệm gen (ADN) của anh C và con do chị H sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 dự định đặt tên là Đồng Minh Tuệ theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 09 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018, kết quả xét nghiệm ADN xác định anh C có quan hệ huyết thống cha con với con do chị H sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018. Do chị H có thai và sinh con trong thời gian còn tồn tại quan hệ hôn nhân với anh L nên anh C chưa đăng ký khai sinh được cho con sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018. Nay anh C yêu cầu Tòa án giải quyết xác định con do chị H sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 09 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018 là con đẻ của anh C.

Tại đơn đề nghị ngày 27 tháng 8 năm 2021 bị đơn là ông M trình bày: Chị H sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng là con đẻ của ông, vợ ông đã chết. Chị H kết hôn với anh L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn An Thạch, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng và có 01 con chung. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H và anh L đã sống ly thân nhau. Trong thời gian chị H và anh L sống ly thân nhưng chưa ly hôn thì chị H có quan hệ tình cảm với C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Bãi Ngoài, xã Hoa Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng và chị H đã có thai. Ngày 24 tháng 5 năm 2018 chị H sinh được 01 con gái dự định đặt tên là Đồng Minh Tuệ tại Bệnh viện Đa khoa huyện A. Nay anh C yêu cầu Tòa án giải quyết xác định con do chị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 09 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018 là con đẻ của anh C, ông M đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, xác định con do chị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 09 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018 là con đẻ của anh C.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25 tháng 8 năm 2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L trình bày: Anh kết hôn với chị H vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có 01 con chung tên Lê Đức Nam sinh ngày 09 tháng 7 năm 2014. Anh L và chị H đã sống ly thân nhau từ năm 2015 và năm 2018 đã giải quyết ly hôn. Con gái do chị H sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại Bệnh viện Đa khoa huyện A không phải là con chung của anh và chị H. Nay anh C yêu

cầu Tòa án giải quyết xác định anh C là cha đẻ của con do chị H sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018, anh L không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn là anh C, bị đơn là ông M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 89, 91, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh C, xác định con do chị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 09 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018 là con đẻ của anh C. Về án phí: Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông M có nơi cư trú tại thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng nhưng nguyên đơn là anh C và bị đơn là ông M thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng là Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn là anh C giải quyết tranh chấp xác định con cho cha giữa nguyên đơn là anh C và bị đơn là ông M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L.

[2] Về yêu cầu xác định cha cho con của nguyên đơn là anh C: Nguyên đơn là anh C yêu cầu Tòa án giải quyết xác định con do chị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 09 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018 là con đẻ của anh C. Bị đơn là ông M yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh C, xác định con do chị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 09 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018 là con đẻ của anh

C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L khẳng định con gái do chị H sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại Bệnh viện Đa khoa huyện A không phải là con chung của anh L và chị H. Xét chị H kết hôn với anh L vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng và có 01 con chung tên Lê Đức Nam sinh ngày 09 tháng 7 năm 2014. Ngày 24 tháng 5 năm 2018 chị H sinh được 01 con gái tại Bệnh viện đa khoa huyện A, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 9 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018. Ngày 05 tháng 7 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị H và anh L được ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 129/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018. Ngày 01 tháng 4 năm 2020 chị H chết do bị tai nạn giao thông. Mẹ đẻ chị H là bà Hoàng Thị Thuởng đã chết năm 2012, còn bố đẻ chị H là ông M, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Như vậy chị H có thai và sinh con trong thời kỳ hôn nhân (thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng) với anh L, anh L khẳng định con do chị H sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại Bệnh viện Đa khoa huyện A không phải là con chung của anh L và chị H, anh C và ông M đều khẳng định con do chị H sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 là con đẻ của anh C phù hợp với kết quả xét nghiệm ADN ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật GenPro, kết luận anh C và con do chị H sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 09 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018 có quan hệ huyết thống cha con. Vì vậy căn cứ Điều 89, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh C, xác định con do chị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 09 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018 là con đẻ của anh C.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng tại phiên tòa anh C nhận nộp thay ông M 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015903 ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 89, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh C, xác định con do chị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 13, quyển số 09 do Bệnh viện Đa khoa huyện A cấp ngày 25 tháng 5 năm 2018 là con đẻ của anh C.

2. Về án phí: Anh C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015903 ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

